

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 211/2025/DS-PT

Ngày: 28-4-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngầu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Quốc Vũ;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 03 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 64/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà [Nguyễn Thị D](#), sinh năm: 1975;

Địa chỉ cư trú: [tổ I, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh](#). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà [Nguyễn Thị D](#) (theo Văn bản uỷ quyền ngày ngày 20 tháng 7 năm 2024): Bà [Mai Thị Kim H](#), sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: [Khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh](#). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#), sinh năm: 1968;

Địa chỉ cư trú: [Tổ C, ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh](#). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#) (theo Văn bản uỷ quyền ngày 28 tháng 4 năm 2025): Chị [Lê Thị Thanh T](#), sinh năm 2000;

Địa chỉ cư trú: [ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương](#). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2024 của nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Mai Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 23/12/2020 (AL), bà D có cho bà Nguyễn Thị Diệu H1 vay số tiền 500.000.000 đồng, có làm giấy nợ, do bà H1 trực tiếp viết và ký tên, giao bà D giữ; lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả, chỉ xác định bà H1 trả trong năm 2020 (AL). Khoảng 05-06 ngày sau khi vay, bà H1 có trả cho bà D khoảng 20.000.000 đồng tiền lãi; ngoài số tiền lãi đã trả, bà H1 có cho thêm bà D số tiền 10.000.000 đồng, do bà H1 hứa cho bà D trong vụ việc vay khác trước đây. Về số tiền gốc, bà H1 nói với bà D cho bà vay tiếp để xoay sở chuyện làm ăn, khi nào bán được đất sẽ trả lại tiền gốc cho bà D, bà D đồng ý theo yêu cầu của bà H1. Kể từ đó, hàng tháng bà H1 có trả tiền lãi cho bà D, nhưng trả không đầy đủ. Bà H1 ngưng trả tiền lãi từ khoảng năm 2022 đến nay.

Ngoài ra, vào năm 2022 bà D có khởi kiện bà H1 tại Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu bà H1 trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng; theo hồ sơ thể hiện người đại diện theo ủy quyền của bà D có trình bày, ngoài khoản tiền vay gốc 300.000.000 đồng đang tranh chấp thì bà H1 không còn nợ bà D khoản tiền nào khác, lý do khai như vậy là vì tại thời điểm đó bà D làm thất lạc giấy nợ gốc của khoản vay số tiền 500.000.000 đồng tranh chấp trong vụ án này, không có chứng cứ Tòa án không nhận đơn yêu cầu, nên không thể khởi kiện khoản tiền 500.000.000 đồng này. Đến khoảng năm 2024, bà D mới tìm được giấy nợ gốc, có liên hệ với bà H1 đòi số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà H1 không đồng ý trả nên mới khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 cung cấp các file ghi âm cho rằng bà H1 đã trả tiền vay gốc 500.000.000 đồng, tuy nhiên, sau khi Tòa án công khai nội dung các file ghi âm này, không có nội dung đối thoại nào giữa bà H1 và bà D chứng minh được bà H1 đã trả cho bà D số tiền 500.000.000 đồng.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 trả cho bà D số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị Diệu H1 trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 04/02/2021 (nhằm ngày 23/12/2020 AL) bà có điện thoại hỏi vay bà D số tiền 500.000.000 đồng. Ban đầu bà D nói không có đủ số tiền đó và nói để bà D mượn giùm người khác, nếu đủ thì sẽ báo cho bà. Sau đó, bà D có điện thoại cho bà đến nhà bà D nhận số tiền 500.000.000 đồng; bà đến nhận số tiền vay 500.000.000 đồng và trực tiếp viết giấy nợ, ký tên đưa bà D giữ. Mục đích bà vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay bà sẽ trả luôn trong năm 2020 (AL). Bà thừa nhận chữ ký chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 23/12/2020 (AL) do bà D cung cấp là chữ ký, chữ viết của bà. Đến ngày 28/12/2020 (AL), bà đã trực tiếp đến nhà bà D trả cho bà D số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi 6.000.000 đồng, tổng cộng

506.000.000 đồng. Ngoài việc trả số tiền gốc và tiền lãi nêu trên, cùng ngày 28/12/2020 (AL), bà có giao cho bà D 10.000.000 đồng. Sở dĩ có việc giao số tiền này là do trước đây bà hứa cho bà D 28.000.000 đồng trong các vụ làm ăn trước đây giữa bà và bà D, nhưng do không có tiền nên bà chỉ đưa trước 10.000.000 đồng, còn 18.000.000 đồng hứa sau tết sẽ đưa cho bà D. Bà là người trực tiếp trả nợ, tuy nhiên do thời gian đã lâu, bà không nhớ trả trực tiếp cho bà D hay trả thông qua người nhà bà D; khi trả cũng không làm giấy tờ gì và bà cũng không lấy lại giấy nợ gốc.

Sau đó, vào ngày 30/12/2020 (AL), bà có gọi điện thoại cho bà D để chốt lại với bà D là bà có trả số tiền gốc và lãi là 506.000.000 đồng, còn số tiền 18.000.000 đồng bà hứa qua tết đưa, thì bà D đồng ý. Ngoài ra, giữa bà và bà D đã nhiều lần trao đổi qua điện thoại, bà có ghi âm, nội dung ghi âm thể hiện bà đã trả cho bà D số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, chỉ còn số tiền 18.000.000 đồng bà hứa cho bà D, hẹn sau tết sẽ đưa cho bà D. Tiếp theo, vào ngày 25/3/2021 và ngày 04/4/2021, bà có gọi điện thoại cho bà D nhờ bà D giúp đỡ chuyện làm ăn, bà D từ chối và có nhắc lại số tiền 18.000.000 đồng bà hứa cho, nhưng thời điểm này bà chưa có để đưa cho bà D. Đến ngày 25-4-2021, do bị bà D từ chối giúp đỡ trong công việc làm ăn, bà quyết định không làm ăn với bà D và không tiếp tục cho bà D số tiền 18.000.000 đồng đã hứa. Tất cả các cuộc gọi giữa bà và bà D bà đều có ghi âm lại và chép thành các file đã cung cấp cho Toà án. Ngoài ra, vào năm 2022, bà D có khởi kiện tại Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, yêu cầu bà trả số tiền vay 300.000.000 đồng; trong vụ án đó thì bà D và người đại diện theo uỷ quyền của bà D có trình bày trong biên bản làm việc với nội dung ngoài khoản vay 300.000.000 đồng đang tranh chấp thì bà không còn nợ bà D khoản tiền nào khác.

Như vậy, bà không còn nợ tiền bà D, bà D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 500.000.000 đồng, bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Diệu H1.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

1.2. Ghi nhận bà Nguyễn Thị D không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/02/2025, bị đơn Nguyễn Thị Diệu H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên toà:

Bị đơn Nguyễn Thị Diệu H1 và người đại diện cho bị đơn trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đồng thời trình bày bổ sung, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất:* nguồn gốc số tiền 500.000.000 đồng bà D cho bà H1 vay là số tiền không phải của bà D, mà do bà D vay người khác giúp cho bà H1; lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, chứ không phải 2%/tháng như bà D trình bày. Mục đích bà H1 vay để đáo hạn ngân hàng.

- *Thứ hai:* bà H1 đã thực hiện đúng cam kết với bà D, đã trả tiền vay gốc và tiền lãi tổng cộng 506.000.000 đồng, trả vào ngày 09/02/2021 nhằm ngày 18/12/2020 (AL); khi trả tiền cho bà D bà H1 không lấy lại giấy nợ gốc, bà D cũng không viết giấy xác nhận đã nhận đủ số tiền gốc đã cho bà H1 vay, tuy nhiên việc trả số tiền vay gốc 500.000.000 đồng đã thể hiện tại đoạn ghi âm thứ 4 trong file ghi âm bà H1 đã cung cấp cho Tòa án.

- *Thứ ba:* đến ngày 25/4/2021, bà H1 có điện thoại nhờ bà D giúp đỡ trong việc làm ăn, bà D không hề có nhắc đến số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, chỉ nhắc đến số tiền 18.000.000 đồng bà H1 hứa cho bà D trước đó.

- *Thứ tư:* cho rằng bà H1 còn nợ bà D số tiền vay gốc 500.000.000 đồng thì tại sao từ sau ngày 25/4/2021 đến khi bà D khởi kiện, bà D không hề có động thái nào đòi nợ bà H1 đối với số tiền này, thậm chí đến khi bà D khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền 300.000.000 đồng, bà D và người đại diện của bà D cũng không đề cập hay nhắc đến số tiền 500.000.000 đồng.

Do đó, kể từ ngày 09/02/2021 bà H1 không còn nợ bà D bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền vay 500.000.000 đồng vào ngày 23/12/2020 (AL). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H1, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn [Nguyễn Thị Diệu H1](#) lập ngày 27/02/2025, nộp Toà án cấp sơ thẩm cùng ngày, nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 28/02/2025, còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn [Nguyễn Thị Diệu H1](#), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà [H1](#) thừa nhận vào ngày 23/12/2020 (AL) có vay của bà [D](#) số tiền gốc 500.000.000 đồng, có viết giấy nhận nợ là “giấy mượn tiền”, có ký tên và giao cho bà [D](#) giữ. Tuy nhiên, bà [H1](#) cho rằng vào ngày 28/12/2020 (AL) bà đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho bà [D](#) tổng cộng là 506.000.000 đồng (tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng), thể hiện tại nội dung các file ghi âm bà đã cung cấp cho Toà án cấp sơ thẩm. Bà [D](#) và đại diện hợp pháp cho bà [D](#) không thừa nhận có việc nhận số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, chỉ thừa nhận bà [D](#) có nhận tiền lãi, nhưng do lâu quá không xác định chính xác số tiền lãi đã nhận của bà [H1](#) trả là bao nhiêu, chỉ nhớ khoảng 20.000.000 đồng.

[2.2] Qua xem xét nội dung các file ghi âm do bà [H1](#) cung cấp (đã được bà [D](#) thừa nhận giọng nói trong các file ghi âm này là của bà [D](#)) kê cả các bản dịch từ các file ghi âm này do bà [H1](#) dịch và ghi chép lại cung cấp cho Toà án, thấy rằng: tại các file ghi âm số 1, 2, 3 và 4 (*từ bút lục số 28 đến 32*) các bên (bà [D](#) và bà [H1](#)) chỉ thể hiện nội dung bà [H1](#) có vay của bà [D](#) số tiền gốc 500.000.000 đồng.

[2.3] Về nội dung trả tiền vay, theo bà [H1](#) trình bày bà trả tiền gốc và tiền lãi vào ngày 28-12-2020 (AL), chứng cứ chứng minh là file ghi âm số 5, 6 và 7 (*từ bút lục số 25 đến 27*). Qua kiểm tra các file ghi âm này, thấy rằng:

Tại [file ghi âm số E](#) (*bút lục số 27*), bà [H1](#) hứa trả tiền cho bà [D](#) như sau: *tính coi năm trăm hôm bữa tính đến nay bao nhiêu tiền lời lát nữa chị đem lại chị đưa*; tại file ghi âm số 6 (*bút lục số 26*), bà [D](#) xác định thời điểm vay là ngày 23, yêu cầu bà [H1](#) tự tính lãi. Như vậy, nội dung tại 02 đoạn ghi âm này chỉ thể hiện bà [H1](#) hứa trả tiền lãi, không thể hiện có việc trả số tiền gốc 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã cho công khai lại nội dung các file ghi âm do bà [H1](#) chép từ máy điện thoại của bà cung cấp cho Toà án gồm 08 đoạn (gọi là 08 file), để người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng nghe, sau khi nghe chỉ xác định được các nội dung bà [H1](#) có vay tiền của bà [D](#) số tiền gốc 500.000.000 đồng, ngày hai bên cho nhau vay mượn tiền, ngày bà [H1](#) gọi bà [D](#) để đến trả tiền, ngày bắt đầu để tính lãi, bà [H1](#) hẹn bà [D](#) sau tết góp trả tiền cho hết... không có bất kỳ đoạn ghi âm nào có nội dung xác định bà [D](#) nhận số tiền vay gốc 500.000.000 mà bà [H1](#) trình bày đã trả cho bà [D](#). Cuối các file ghi âm, bà [H1](#) còn xác định lại qua tết cỡ tháng 02 âm lịch trả góp số tiền còn nợ bà [D](#).

Như vậy, qua nội dung các file ghi âm bà [H1](#) cung cấp, chỉ thể hiện được các nội dung là bà [H1](#) có vay tiền bà [D](#) số tiền gốc 500.000.000 đồng, có trả bà [D](#) tiền lãi, không đủ căn cứ xác định bà [H1](#) đã trả số tiền gốc 500.000.000 đồng cho bà [D](#) vào ngày 28/12/2020 (AL) như bà [H1](#) trình bày.

[2.4] Bà [H1](#) và người đại diện hợp pháp của bà [H1](#) trình bày, ngoài các file ghi âm nêu trên, còn chứng cứ khác chứng minh được việc bà [H1](#) đã trả đủ số tiền vay gốc này cho bà [D](#), đó là: tại vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 196/2022/TLST-DS ngày 01/7/2022 do Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn [Nguyễn Thị D](#) và bị đơn [Nguyễn Thị Diệu H1](#); theo hồ sơ vụ án này thể hiện, người đại diện theo uỷ quyền của bà [D](#) đã trình bày xác nhận giữa bà [D](#) và bà [H1](#) tại thời điểm tranh chấp vụ án đó, ngoài số tiền tranh chấp 300.000.000 đồng thì không còn tranh chấp khoản nợ nào khác. Người đại diện theo uỷ quyền của bà [D](#) không đồng ý, cho rằng bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày như vậy là suy diễn; tại thời điểm khởi kiện vụ án trên, do giấy nợ 500.000.000 đồng này bà [D](#) lưu giữ bị thất lạc, chưa tìm lại được, nếu có yêu cầu giải quyết mà không có chứng cứ thì Toà án cũng không chấp nhận, do đó bà [D](#) chưa yêu cầu. Xét thấy, lời trình bày của bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày là không phù hợp, bởi lẽ: bà [D](#) uỷ quyền cho người đại diện thay mặt bà [D](#) tham gia giải quyết vụ án tại Toà án đối với số tiền bà [D](#) khởi kiện bà [H1](#) 300.000.000 đồng tại vụ án dân sự sơ thẩm khác thụ lý số 196/2022/TLST-DS ngày 01/7/2022 của Toà án cấp sơ thẩm, không được thay mặt bà [D](#) giải quyết yêu cầu nào khác. Ngoài ra, người đại diện theo uỷ quyền của bà [D](#) được bà [D](#) uỷ quyền để tham gia giải quyết vụ án cùng với bị đơn, không phải người trực tiếp đại diện bà [D](#) trong mọi giao dịch khác với bị đơn.

[2.5] Với những chứng cứ và phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [D](#), buộc bà [H1](#) trả cho bà [D](#) số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và ghi nhận bà [D](#) không yêu cầu bà [H1](#) trả tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà [H1](#) kháng cáo, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ để chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên toà phù hợp với phân tích và quyết định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà [H1](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm về án phí và xử lý số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#);

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thị D](#) đối với bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#) có trách nhiệm trả cho bà [Nguyễn Thị D](#) số tiền vay gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

1.2. Ghi nhận bà [Nguyễn Thị D](#) không yêu cầu tính lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà [Nguyễn Thị D](#) không phải chịu, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, tại Biên lai thu số 0008038 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#) phải chịu 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà [Nguyễn Thị Diệu H1](#) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0005080 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Xác nhận bà [H1](#) đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KT, TT&THA TAND tỉnh TN;
- VKSND H Dương Minh Châu;
- TAND H Dương Minh Châu;
- CCTHADS H Dương Minh Châu;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, tập án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu